

Số: 110/2022/QĐST – HNGĐ

Phú Quốc, ngày 19 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị H**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Đình H1**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố A, phường B, Tp. C, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Đào Thị H** và ông **Phạm Đình H1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Bà Đào Thị H và ông Phạm Đình H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng xác nhận có 02 người con chung, tên Phạm Đào Ngọc Anh T, sinh năm 1999 và Phạm Đào Hoàng H2, sinh ngày 09/01/2008. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H, ông H1 thống nhất giao

cháu H2 cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà H xin rút lại yêu cầu ông H1 trả cho bà Th số tiền 35.000.000 đồng. Đối với số tiền 35.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, các bên sẽ tự giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Ngoài ra, bà H, ông H1 xác nhận vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Do hòa giải thành nên án phí xin ly hôn là 150.000 đồng, mỗi bên chịu 75.000 đồng. Bà H tự nguyện nộp thay toàn bộ số tiền án phí của ông H1. Bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.175.000 đồng theo biên lai thu số **0007538** ngày **02/6/2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Khấu trừ tiền án phí vào tiền tạm ứng án phí, bà H được nhận lại số tiền 1.025.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- UBND phường An Thới;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Chung Quốc Hội